

Thứ tư, ngày 20 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Lùi sát về mốc 1,000 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/11/2019		•	
Tuần 18/11-22/11/2019			•
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index dành gần như toàn bộ thời gian giao dịch trong sắc đỏ mặc dù có đà tăng nhẹ vào những phút đầu phiên. Nhịp điều chỉnh của một loạt các mã cổ phiếu bluechips như GAS, VIC, SAB, VHM, VCB đã góp phần đẩy chỉ số về sát ngưỡng 1,000 điểm. Thị trường có phiên giảm điểm mạnh với thanh khoản tăng nhẹ và khối ngoại bán ròng trên cả hai sàn. Yếu tố vĩ mô nước ngoài cũng không hỗ trợ nhiều cho chỉ số khi tình hình Mỹ-Trung chưa có đột phá mới còn cuộc điều tra luận tội ông Trump đã xuất hiện nhân tố bất lợi. Trong bối cảnh đó, BSC cho rằng thị trường sẽ tiếp tục vận động trong biên độ hẹp quanh mốc tâm lí 1,000 điểm.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở trong phiên hôm nay. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/11/2019, phần lớn chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều giảm giá. Khối lượng giao dịch không có nhiều thay đổi so với phiên trước. VJC đã tăng giá trở lại sau khi tích lũy ngắn hạn trong hơn 1 tuần. Thanh khoản tăng đồng thuận với trạng thái tích cực của cổ phiếu. Đà tăng của VJC có thể tác động khiến cho các chứng quyền của cổ phiếu này giao dịch sôi động hơn trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme Cổ tức cao - Thanh khoản tốt 0.5%. 12/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX(-0.8%). Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - có tính ổn định cao và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**.

Phân tích kỹ thuật: SJS_Xu hướng tăng (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-7.79 điểm**, đóng cửa 1,000.56. HNX-Index **-0.58 điểm**, đóng cửa 104.91.
- Kéo chỉ số tăng: **VJC (+0.14); PHR (+0.08); ROS (+0.07); FLC (+0.07); TCH (+0.06).**
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.62); GAS (-1.38); VIC (-1.07); SAB (-0.87); TCB (-0.35).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,509 tỷ đồng**, +9.65% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 8.65 điểm. Thị trường có 129 mã tăng, 70 mã tham chiếu và 189 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **13.83 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (40.72 tỷ), HPG (35.71 tỷ) và VHM (19.49 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **3.72 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

1000.56

Giá trị: 3509.24 tỷ

-7.79 (-0.77%)

Khối ngoại (ròng): -13.83 tỷ

HNX-INDEX

104.91

Giá trị: 168.25 tỷ

-0.58 (-0.55%)

Khối ngoại (ròng): -3.72 tỷ

UPCOM-INDEX

56.88

Giá trị: 158.52 tỷ

-0.14 (-0.25%)

Khối ngoại(ròng): 0.929 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	54.9	-0.62%
Giá vàng	1,478	0.34%
Tỷ giá USD/VND	23,199	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,938	0.06%
Tỷ giá JPY/VND	21,399	0.10%
LS liên NH 1 tháng	2.7%	10.02%
LS TPCP 5 năm	2.5%	1.80%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	34.2	VIC	40.7
ROS	24.6	HPG	35.9
VNM	18.5	VHM	19.8
KBC	8.6	GAS	17.6
HDB	7.3	MSN	8.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



BSC RESEARCH

11/20/2019

Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **12/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (-0.8%). Đặc biệt, danh mục Cổ tức cao - Thanh khoản tốt - có tính ổn định cao và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**.

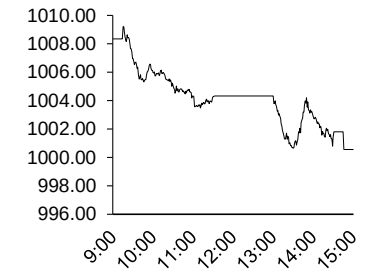
* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **15/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

- **5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_0.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.5%	0.6%	2.6%	-3.4%	-3.5%	19.4%	49.6%
BĐS & Khu công nghiệp	0.2%	0.0%	2.0%	0.6%	4.2%	11.3%	65.5%
Hàng tiêu dùng	0.0%	-3.6%	-5.0%	-5.0%	1.3%	8.6%	54.0%
Lãi suất giảm	0.0%	-1.5%	-3.4%	-4.3%	-4.4%	1.8%	48.7%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	-0.7%	-0.9%	-5.7%	-7.2%	-3.4%	10.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.1%	-1.4%	1.2%	-4.3%	-6.9%	-8.1%	50.0%
Xây dựng	-0.1%	-1.9%	-3.9%	-5.5%	-9.1%	-4.5%	29.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.2%	0.2%	0.3%	1.2%	3.9%	10.5%	6.2%
Nước & Năng lượng	-0.4%	-0.4%	2.2%	-1.1%	-2.6%	18.4%	56.3%
FTSE Việt Nam	-0.6%	-1.0%	1.3%	0.2%	2.9%	16.8%	87.9%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.6%	-1.0%	-2.0%	-1.6%	-3.3%	0.8%	-2.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.7%	-1.1%	1.2%	-1.0%	-0.3%	12.5%	78.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.9%	-2.7%	-1.3%	2.7%	11.0%	18.3%	78.8%
Ngân hàng	-1.0%	-2.4%	1.4%	7.9%	15.7%	21.9%	89.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.0%	-2.4%	-0.8%	0.7%	5.0%	12.8%	73.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.0%	-2.1%	0.7%	6.4%	7.9%	11.8%	45.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.1%	-2.0%	0.3%	1.4%	8.9%	21.1%	91.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.2%	-2.9%	-0.2%	4.1%	18.4%	36.0%	128.2%
Dầu khí	-1.3%	1.1%	3.8%	-1.6%	-5.7%	8.2%	22.4%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 17	-0.1%	0.3%	-1.0%	-4.8%	3.2%	37.7%	175.3%
Danh mục 7	-0.2%	-0.8%	-2.0%	-0.7%	1.8%	11.1%	43.0%
Danh mục 5	-0.2%	-1.2%	0.6%	-2.2%	0.4%	24.1%	73.9%
Danh mục 15	-0.8%	-1.3%	-1.6%	-1.6%	6.5%	11.2%	65.3%
Danh mục 12	-0.8%	-1.3%	2.0%	1.3%	7.9%	25.7%	90.8%
* Note	15/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 23	0.5%	1.2%	1.4%	-2.4%	2.2%	39.9%	126.4%
Danh mục 20	-0.4%	-1.3%	0.0%	2.0%	11.5%	21.6%	59.6%
Danh mục 19	-0.4%	-1.2%	-0.3%	3.4%	12.5%	28.1%	64.5%
Danh mục 21	-0.9%	-1.6%	0.4%	3.1%	10.3%	22.1%	73.0%
Danh mục 24	-1.2%	-1.7%	-0.6%	-2.1%	9.4%	39.3%	99.8%
* Note	5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	-0.8%	-1.2%	1.4%	0.3%	2.6%	11.5%	49.3%
VN30INDEX	-1.0%	-1.7%	0.0%	1.7%	3.1%	6.0%	44.3%

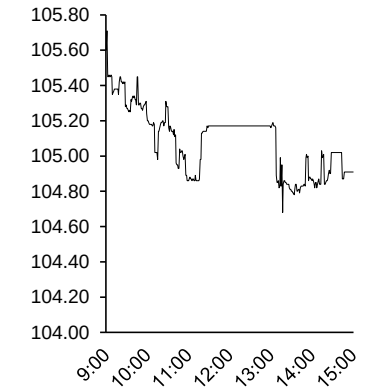
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	1.1%
Hóa chất	1.0%
Du lịch và Giải trí	0.4%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.0%
Y tế	-0.1%
Dịch vụ tài chính	-0.3%
Bảo hiểm	-0.4%
Truyền thông	-0.4%
Bất động sản	-0.5%
Thực phẩm và đồ uống	-0.7%
Hàng & nhân & Gia dụng	-0.7%
Dầu khí	-0.8%
Ngân hàng	-1.1%
Tài nguyên Cơ bản	-1.2%
Bán lẻ	-1.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.7%
Công nghệ Thông tin	-2.1%
Viễn thông	-4.3%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

SJS_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên trên đường tín hiệu và đường trung tâm.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: SJS đang nằm trong xu hướng hồi phục trung hạn sau khi tạo mô hình 2 đáy tại vùng giá 14-15. Thanh khoản cổ phiếu duy trì ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, cho thấy đà tăng vẫn đang tiếp tục. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dài mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, SJS có thể kiểm tra lại vùng kháng cự cự 18-19 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Triển vọng kinh doanh năm 2019: DT dự kiến 700 tỷ đồng (+46% yoy) và LNTT 135 tỷ đồng (tương đương cùng kỳ). Sudico sẽ tiếp tục hoàn thiện dự án Nam An Khánh, Bắc Trần Hưng Đạo. DN đã bán được 150 căn biệt thự Nam An Khánh trong năm 2016 nhưng chưa ghi nhận hết và có khả năng ghi nhận nốt số căn còn lại năm 2019. Về việc chuyển nhượng dự án Hòa Hải, SJS đã chấm dứt hợp đồng với đối tác do quá thời hạn trả tiền và sẽ tự triển khai dự án này.

Cập nhật KQKD

Năm 2018, SJS đạt doanh thu 469 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 111 tỷ đồng, tăng lần lượt là 942% và giảm 15% YoY. Khác với năm 2017 không ghi nhận từ doanh thu bán hàng mà chủ yếu và hoàn nhập trích lập dự phòng. Trong năm 2018, SJS chủ yếu dành thời gian tập trung cho công tác phát triển 2 dự án Nam An Khánh và KDC Bắc Trần Hưng Đạo. Các dự án khác tạm thời vẫn trong giai đoạn triển khai.

Cụ thể: Dự án Nam An Khánh: ghi nhận 318 tỷ đồng. Dự án KDC Bắc Trần Hưng Đạo: ghi nhận hơn 93 tỷ đồng với sản phẩm chính ghi nhận chủ yếu là phân lô bán nền. Dự án Hòa Hải, Đà Nẵng đã có đối tác đặt mua 1,800 tỷ đồng (giá vốn 1,100 tỷ), tuy nhiên chưa sắp xếp đủ nguồn vốn nên thỏa thuận bán cho đối tác này bị hoãn lại.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express SJS 2019Q2.

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 20/11/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 20/11	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	55.12	-3.13%	-2.95%	2.65%	3.17%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.76	-2.53%	-2.10%	2.51%	-2.83%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.60	-1.78%	-1.12%	-0.68%	6.71%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1474.51	0.05%	1.05%	-0.81%	20.57%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.15	0.61%	2.23%	-2.38%	19.81%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	913.07	0.13%	0.81%	-2.16%	3.64%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	510.76	0.64%	-1.21%	-2.44%	1.99%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.32	0.05%	1.40%	8.90%	40.43%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	162.10	-0.06%	-0.25%	8.87%	22.71%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.70	-0.47%	0.87%	3.50%	1.93%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.36	0.00%	-1.47%	3.70%	7.01%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	102.70	-2.70%	-2.75%	6.59%	-7.18%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.65	0.41%	0.41%	0.68%	-4.11%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3704.00	0.38%	6.41%	7.55%	-8.07%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1738.00	-0.97%	-2.30%	0.52%	-10.41%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	83.00	1.84%	7.10%	-2.92%	10.67%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	73.00	2.99%	4.69%	5.23%	-25.55%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 1.53 USD, tương đương 2.5%, xuống mức 60.91 USD/thùng. Giá dầu WTI hợp đồng kỳ hạn tháng 12/2019 của Mỹ giảm 1.84 USD, tương đương 3.2%, còn 55.21 USD/thùng.
- Giá dầu tiếp tục giảm hơn 1 USD/thùng do lo ngại về nguồn cung dầu thô toàn cầu dư thừa và tiến trình giải quyết tranh chấp thương mại Mỹ - Trung còn nhiều hạn chế đã che mờ triển vọng về nhu cầu dầu mỏ.
- Tuy nhiên, trong cuộc họp tháng 12 tới của OPEC+ bàn về việc có nên cắt giảm sản lượng nữa hay không do lo ngại về tăng trưởng nhu cầu yếu trong năm 2020, Nga có thể sẽ không đồng ý giảm sâu sản lượng dầu nhưng có thể sẽ kéo dài thời gian cắt giảm sản lượng như hiện nay để hỗ trợ Saudi Arabia.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay tăng 0.3% lên 1,474.65 USD/ounce sau khi chạm mức cao nhất kể từ ngày 7/11. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2019 tại Mỹ tăng hơn 0.2% đạt 1,474.30 USD/ounce.
- Giá vàng tiếp tục tăng vọt do bất ổn chính trị tại Mỹ, thu nhập âm ảm đạm, thị trường chứng khoán phố Wall bất ổn căng thẳng sau khi lên cao kỷ lục trong khi thị trường chờ đợi nhiều tín hiệu hơn về chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt tại Sở giao dịch hàng hóa Đại Liên, kỳ hạn tháng 1/2020, chốt phiên tăng 0.6% đạt 636.50 CNY(90.63 USD)/tấn. Giá tăng lên 638 CNY/tấn vào đầu phiên, mức cao nhất kể từ ngày 28/10. Giá quặng sắt trên Sàn giao dịch Singapore cũng tăng trở lại, với hợp đồng tháng 12/2019 tăng 0.7% đạt 83.85 USD/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tại Trung Quốc tiếp tục tăng phiên thứ 6 liên tiếp do giá thép tăng kéo dài trong bối cảnh dự trữ giảm và các biện pháp hạn chế sản xuất giảm ô nhiễm không khí trong khi nhu cầu tăng cao. Do thời tiết không thuận lợi trong mùa đông năm nay có thể mang lại nhiều khói bụi trên khắp các tỉnh phía bắc, nên Trung Quốc sẽ tiếp tục hạn chế sản xuất thép hơn nữa.

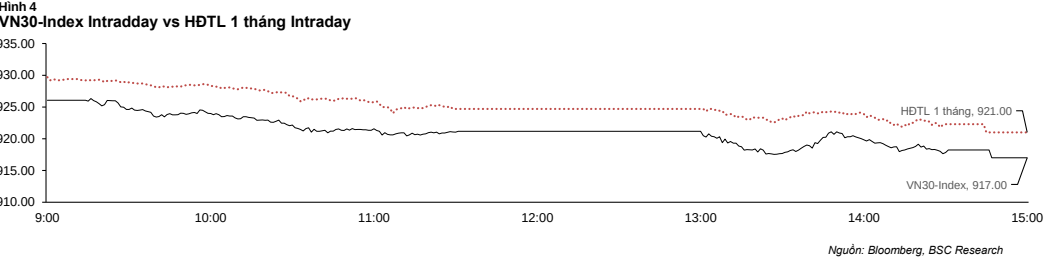
Giá cao su

- Tại Tocom, giá cao su kỳ hạn tháng 4/2020 tăng hơn 0.3 JPY đạt 182.6 JPY(1.68 USD)/kg. Đầu phiên giá đã chạm 184.3 JPY, mức cao kể từ ngày 26/7. Tại Thượng Hải, giá cao su giao tháng 1/2020 đã tăng 160 CNY đạt 12,130 CNY(1,727 USD)/tấn. Giá cao su TSR 20 đã tăng 55 CNY đạt mức 10,260 CNY/tấn.
- Giá cao su kỳ hạn tại Sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng cao lên mức cao nhất hơn 3.5 tháng, do các nhà đầu tư hy vọng rằng việc cắt giảm lãi suất bất ngờ của Trung Quốc sẽ giúp thúc đẩy nền kinh tế, kích thích nhu cầu tiêu thụ.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 tại New York giảm 0.08 cent, tương đương 0.6%, xuống 12.68 cent/lb. Trong khi giá đường trắng London giao tháng 3/2020 giảm 2.90 USD, tương đương 0.9%, xuống còn 336.40 USD/tấn.
- Đồng thời, giá cà phê cũng giảm do dư cung từ vụ thu hoạch kỷ lục mùa trước tại Brazil và Trung Mỹ. Giá cà phê Arabica giao tháng 3/2020 giảm 0.20 cent, tương đương 0.2%, xuống còn 1.0905 USD/lb. Giá cà phê Robusta tháng 1/2020 giảm 22 USD, tương đương 1.6%, xuống còn 1,350 USD/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	921.00	-0.94%	4.00	6.0%	55407	11/21/2019	3
VN30F1912	925.50	-0.89%	8.50	188.5%	5859	12/19/2019	31
VN30F2003	933.20	-0.55%	16.20	1840.0%	194	3/19/2020	122
VN30F2006	934.00	-0.64%	17.00	105.3%	117	6/18/2020	213

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 9.07 điểm xuống mức 917 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như FPT, TCB, VPB, HPG và MWG tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 giảm điểm dần suốt từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều. VN30 có thể biến động mạnh và khó lường trong những phiên tiếp theo.
- Tất cả các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở trong phiên hôm nay. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Bên cạnh đó, chỉ duy nhất VN30F1911 giảm về vị thế mờ, VN30F2003 không thay đổi còn hai hợp đồng còn lại đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMBB1904	SSI	1/22/2020	63	1:1	9,670	159.2%	2.0 triệu	16.54%	2,900	2,900	9.43%	1,111.90	2.61
CREE1903	SSI	4/22/2020	154	1:1	20,460	20.5%	1.0 triệu	23.39%	7,600	7,180	7.49%	3,622.80	1.98
CVJC1902	SSI	4/22/2020	154	1:1	23,910	120.4%	1.0 triệu	14.39%	27,900	29,840	2.93%	17,970.70	1.66
CVRE1902	HSC	4/8/2020	140	4:1	103,720	-28.2%	5.0 triệu	24.03%	1,300	1,700	-0.58%	1,060.80	1.60
CVNM1903	SSI	4/22/2020	154	1:1	14,610	-40.8%	1.0 triệu	17.98%	26,600	21,000	-2.33%	9,450.90	2.22
CVHM1902	SSI	4/22/2020	154	1:1	10,770	-40.8%	1.0 triệu	23.42%	18,600	20,000	-2.44%	14,226.70	1.41
CMBB1905	HSC	4/8/2020	140	2:1	294,670	200.2%	5.0 triệu	16.54%	1,700	1,450	-2.68%	478.40	3.03
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	19	5:1	93,600	564.3%	1.5 triệu	20.86%	5,600	4,650	-3.13%	4,666.40	1.00
CVIC1902	SSI	4/22/2020	154	1:1	14,330	20.6%	1.0 triệu	17.36%	22,700	17,990	-3.18%	7,073.10	2.54
CFPT1905	SSI	4/22/2020	154	1:1	47,840	9.3%	1.0 triệu	20.97%	9,900	8,360	-3.91%	4,669.30	1.79
CHPG1908	MBS	1/22/2020	63	2:1	419,200	366.5%	2.0 triệu	25.45%	1,450	1,610	-4.17%	1,143.70	1.41
CDPM1901	KIS	1/9/2020	50	1:1	151,210	-17.1%	1.5 triệu	26.42%	1,900	1,350	-7.53%	445.20	3.03
CHPG1907	SSI	4/22/2020	154	1:1	43,200	-40.9%	1.0 triệu	25.45%	4,200	3,930	-5.30%	2,504.90	1.57
CMWG1904	SSI	12/30/2019	40	1:1	20,910	34.7%	1.0 triệu	20.86%	14,000	27,930	-6.90%	27,567.40	1.01
CMWG1907	HSC	4/8/2020	140	10:1	114,790	0.9%	5.0 triệu	20.86%	1,900	1,350	-7.53%	376.00	3.59
CMWG1903	HSC	12/30/2019	40	5:1	109,670	597.6%	2.0 triệu	20.86%	2,700	4,700	-7.84%	4,509.00	1.04
CFPT1903	SSI	12/30/2019	40	1:1	40,940	22.4%	2.0 triệu	20.97%	6,000	12,500	-8.09%	11,899.70	1.05
CSTB1901	KIS	1/9/2020	50	1:1	164,650	90.5%	1.5 triệu	19.09%	1,390	930	-8.82%	186.10	5.00
CFPT1907	VND	1/9/2020	50	2:1	74,420	24.6%	2.0 triệu	20.97%	4,200	2,700	-18.18%	2,256.80	1.20
CFPT1906	HSC	4/8/2020	140	5:1	96,010	121.6%	5.0 triệu	20.97%	1,700	1,530	-18.62%	670.50	2.28
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	63	5:1	138,140	79.4%	1.5 triệu	21.69%	2,220	1,800	-20.00%	1,219.70	1.48
CVNM1904	HSC	4/8/2020	140	10:1	15,110	-93.8%	5.0 triệu	17.98%	1,900	1,300	-35.00%	298.80	4.35
CHPG1905	SSI	12/30/2019	40	1:1	239,990	97.0%	1.0 triệu	25.45%	3,300	900	-35.25%	507.20	1.77
Tổng:					2,261,820		46.00 triệu	20.98%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phí rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 20/11/2019, phần lớn chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều giảm giá. Khối lượng giao dịch không có nhiều thay đổi so với phiên trước.
- Về giá, CMBB1904 và CREE1903 tăng mạnh nhất lần lượt là 9.43% và 7.49%, ở chiều hướng ngược lại, CHPG1905 và CVNM1904 giảm mạnh nhất lần lượt là 35.25% và 35%. Thanh khoản thị trường giảm 0.84%. CHPG1908 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.15% thị trường.
- Ngoại trừ CMWG1905, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. VJC đã tăng giá trở lại sau khi tích lũy ngắn hạn trong hơn 1 tuần. Thanh khoản tăng đồng thuận với trạng thái tích cực của cổ phiếu. Đà tăng của VJC có thể tác động khiến cho các chứng quyền của cổ phiếu này giao dịch sôi động hơn trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	144.90	0.63	0.33
ROS	25.40	1.60	0.13
HDB	28.90	0.35	0.10
NVL	58.40	0.17	0.05
DPM	13.70	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	56.8	-2.57	-1.13
TCB	24.4	-1.41	-1.10
VPB	20.9	-1.88	-0.93
HPG	22.4	-1.75	-0.92
MWG	117.1	-1.60	-0.76

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB1904	24,900	22,000	22,600
CREE1903	43,600	36,000	37,700
CVJC1902	157,900	130,000	144,900
CVRE1902	37,700	32,500	35,150
CVNM1903	146,600	120,000	124,000
CVHM1902	103,600	85,000	96,200
CMBB1905	26,400	23,000	22,600
CMWG1905	122,000	94,000	117,100
CVIC1902	137,700	115,000	116,000
CFPT1905	64,900	55,000	56,800
CHPG1908	23,400	20,500	22,400
CDPM1901	15,888	13,988	13,700
CHPG1907	25,200	21,000	22,400
CMWG1904	165,000	90,000	117,100
CMWG1907	144,000	125,000	117,100
CMWG1903	25,800	95,000	117,100
CFPT1903	51,140	45,140	56,800
CSTB1901	12,278	10,888	10,400
CFPT1907	61,400	53,000	56,800
CFPT1906	65,500	57,000	56,800
CPNJ1902	90,100	79,000	83,400
CVNM1904	152,000	133,000	124,000
CHPG1905	93,300	23,100	22,400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	117.1	-1.6%	0.7	2,254	1.8	8,321	14.1	4.6	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	83.4	-1.3%	0.9	807	1.1	4,839	17.2	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	72.1	-0.6%	1.3	2,197	0.4	1,889	38.2	3.2	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.9	0.6%	0.7	321	0.1	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	116.0	-0.9%	1.0	16,875	3.6	1,589	73.0	5.0	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	35.2	-0.4%	1.1	3,559	9.6	1,033	34.0	2.9	32.2%	8.8%
NVL	Bất động sản	58.4	0.2%	0.8	2,363	0.8	3,187	18.3	2.6	7.3%	15.5%
REE	Bất động sản	37.7	-0.8%	1.0	508	1.6	5,614	6.7	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	15.7	1.3%	1.4	360	1.1	3,215	4.9	0.9	45.9%	25.9%
SSI	Chứng khoán	20.9	-0.9%	1.4	462	1.1	1,769	11.8	1.1	56.4%	9.4%
VCI	Chứng khoán	34.0	0.0%	1.0	243	0.1	5,067	6.7	1.5	37.8%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.6	-0.2%	1.4	327	0.5	1,287	19.1	1.7	57.8%	10.2%
FPT	Công nghệ	56.8	-2.6%	0.8	1,675	5.7	4,688	12.1	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	105.0	-2.3%	1.6	8,738	2.9	5,886	17.8	4.4	3.7%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.7	-0.5%	1.5	3,091	0.8	3,467	17.2	3.2	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.5	-2.1%	1.7	384	1.0	2,062	9.0	0.7	22.2%	8.5%
BSR	Dầu khí	10.1	-1.0%	0.8	1,362	0.4	1,163	8.7	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.1	-0.5%	0.5	529	0.0	4,535	20.5	3.8	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.7	0.0%	0.7	233	0.1	650	21.1	0.7	19.2%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.0	-0.1%	0.6	161	0.0	625	11.2	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.5	-1.6%	1.3	14,432	2.0	5,274	17.0	4.1	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	41.6	-0.2%	1.5	7,266	0.4	2,109	19.7	2.5	3.5%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.3	-0.9%	1.6	3,448	2.7	1,641	13.0	1.1	29.2%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.9	-1.9%	1.2	2,187	1.1	3,341	6.3	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.6	-0.7%	1.1	2,285	2.1	3,261	6.9	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.9	-1.2%	1.1	1,721	1.4	3,585	6.7	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	54.4	0.7%	0.8	194	0.3	5,073	10.7	1.8	80.2%	16.5%
NTP	Nhựa	31.9	-0.3%	0.3	136	0.0	4,603	6.9	1.2	20.7%	17.8%
MSR	Tài nguyên	15.2	0.7%	1.2	654	0.0	732	20.8	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.4	-1.8%	1.0	2,689	6.8	2,526	8.9	1.3	37.7%	17.4%
HSG	Thép	8.1	-0.6%	1.6	149	1.4	890	9.1	0.6	17.1%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	124.0	-0.3%	0.7	9,388	6.2	5,527	22.4	7.9	58.7%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	246.3	-1.9%	0.8	6,867	0.2	7,365	33.4	8.8	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	73.6	-0.5%	1.2	3,741	0.9	4,512	16.3	2.6	39.9%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.7	-0.5%	0.6	477	1.0	440	42.5	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	76.1	0.1%	0.8	7,203	0.1	2,630	28.9	5.4	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	144.9	0.6%	1.1	3,300	3.7	9,850	14.7	5.6	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	34.8	0.1%	1.7	2,146	0.3	1,747	19.9	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	24.8	-0.8%	0.8	320	0.1	1,949	12.7	1.2	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.8	-0.8%	0.6	217	0.3	2,571	6.9	1.2	31.7%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	87.0	0.1%	0.9	605	0.7	8,338	10.4	4.4	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.6	-0.3%	0.8	362	0.1	1,398	13.3	1.3	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	0.7%	0.8	249	0.0	1,912	7.8	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	70.9	-0.1%	0.7	235	0.1	9,842	7.2	0.7	48.0%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.3	0.0%	1.1	524	0.1	1,557	17.5	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.3	-1.6%	0.5	262	0.3	1,845	13.2	1.1	51.3%	8.8%
POW	Điện	13.7	-0.4%	0.6	1,395	0.8	820	16.7	1.3	14.0%	7.8%
NT2	Điện	23.0	0.0%	0.6	288	0.2	2,721	8.5	1.6	19.2%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	144.90	0.63	0.14	581440.00
PHR	59.80	3.46	0.08	827370.00
ROS	25.40	1.60	0.07	32.16MLN
FLC	4.61	6.96	0.06	27.60MLN
TCH	26.25	2.14	0.06	2.56MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.60	1.54	0.11	2.16MLN
DGC	26.90	1.51	0.03	27900.00
S99	8.00	6.67	0.02	1400.00
DNP	16.60	1.84	0.02	9300.00
KLF	1.40	7.69	0.02	1.11MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	89.50	-1.65	-1.64	516280.00
GAS	105.00	-2.33	-1.41	628880.00
VIC	116.00	-0.94	-1.08	705410.00
SAB	246.30	-1.87	-0.89	15580.00
TCB	24.40	-1.41	-0.36	1.19MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.90	-1.24	-0.49	1.36MLN
PVS	18.50	-2.12	-0.10	1.29MLN
MBG	38.10	-9.93	-0.08	93900.00
HHC	101.00	-7.34	-0.08	200.00
NET	30.60	-6.99	-0.03	3000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PXI	2.14	7.00	0.00	9780.00
VAF	9.68	6.96	0.01	100.00
FLC	4.61	6.96	0.06	27.60MLN
LCM	0.77	6.94	0.00	37900.00
MCP	15.40	6.94	0.00	1010.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	4600.00
VC1	12.40	9.7	0.00	100.00
BXH	17.00	9.7	0.00	1000.00
STC	13.70	9.6	0.00	100.00
GDW	32.10	9.6	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SBV	6.51	-7.00	0.00	2870.00
CLG	5.08	-6.96	0.00	2670.00
MCG	2.15	-6.93	0.00	162600.00
GTA	12.10	-6.92	0.00	520.00
TSC	3.26	-6.86	-0.01	1.61MLN

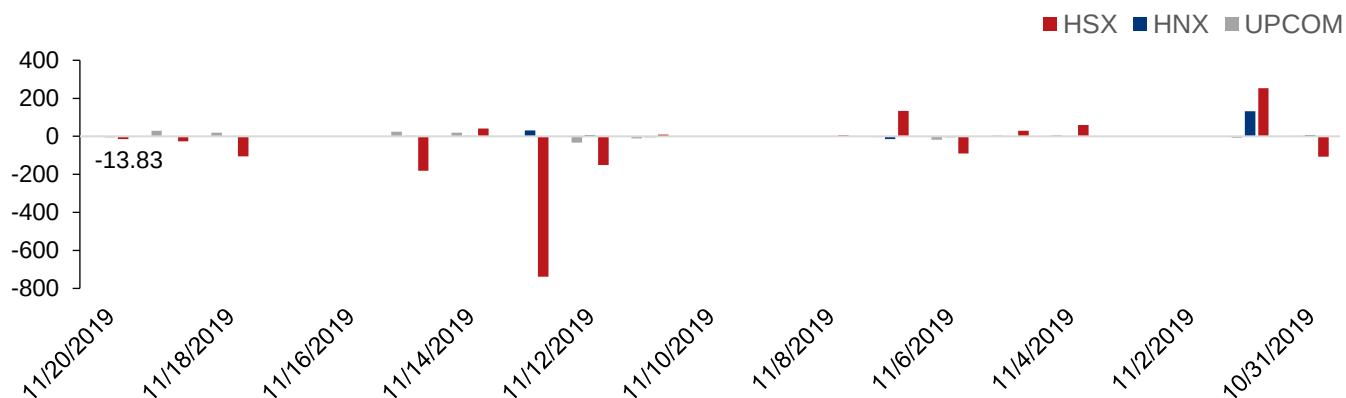
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	133100.00
DST	0.90	-10.00	0.00	88200.00
GMX	22.50	-10.00	-0.01	1800.00
VTL	16.20	-10.00	0.00	100.00
MBG	38.10	-9.93	-0.08	93900.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	34.8	9,530	3.6	1.8	Click
2	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	56.8	4,688	12.1	2.8	Click
3	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	25.9	3,491	7.4	1.2	Click
4	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	18.9	2,246	8.4	0.9	Click
5	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.0	3,678	10.6	0.7	Click
6	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	73.6	4,512	16.3	2.6	Click
7	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	124.0	5,527	22.4	7.9	Click
8	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.3	2,887	7.7	1.5	Click
9	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.7	5,614	6.7	1.2	Click
10	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	78.5	14,958	5.2	1.5	Click
11	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.8	2,279	3.8	0.6	Click
12	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.9	3,585	6.7	1.5	Click
13	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.6	1,079	12.6	1.2	Click
14	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	89.5	5,274	17.0	4.1	Click
15	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.3	1,723	13.5	1.7	Click
16	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.6	3,261	6.9	1.3	Click
17	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	61.5	2,801	22.0	3.6	Click
18	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	24.8	1,949	12.7	1.2	Click
19	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.0	3,391	7.7	1.8	Click
20	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.8	4,688	12.1	2.8	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn